

**SỞ Y TẾ TỈNH QUẢNG NINH
BỆNH VIỆN ĐA KHOA TỈNH**

Số: 1263/CV - BVT

V/v đề nghị thẩm định giá
Đồ vải, trang phục y tế

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Quảng Ninh, ngày 05 tháng 5 năm 2025

Kính gửi: Quý Công ty

1. Tên đơn vị đề nghị thẩm định giá: Bệnh viện Đa khoa tỉnh Quảng Ninh
- Địa chỉ: Phố Tuệ Tĩnh, phường Bạch Đằng, TP Hạ Long, tỉnh Quảng Ninh
- Điện thoại: 0203.3825489 / 0203.3821360
- Fax: 0203.3625256
- Mã số thuế: 5700391598

2. Tài sản đề nghị thẩm định giá:

Đồ vải, trang phục y tế (*Phụ lục chi tiết kèm theo*).

3. Mục đích thẩm định giá: Đấu thầu theo quy định hiện hành của Pháp luật.

4. Thời điểm thẩm định giá: Quý II năm 2025

5. Kính mong các đơn vị quan tâm có đủ chức năng thẩm định giá, đủ năng lực kinh nghiệm thẩm định giá báo giá dịch vụ thẩm định giá bản cứng hoặc bản mềm về Bệnh viện trước 08h00 ngày 16/5/2025.

+ Địa chỉ nhận bản cứng: Tổ nghiệp vụ Đấu thầu, phòng Kế hoạch tổng hợp Bệnh viện Đa khoa tỉnh Quảng Ninh; Địa chỉ: Phố Tuệ Tĩnh, Phường Bạch Đằng, Thành Phố Hạ Long, Tỉnh Quảng Ninh; SĐT: 02033 628 005.

+ Địa chỉ nhận bản mềm: muasamhanghoabvtqn@gmail.com

Bệnh viện xin trân trọng thông báo./.

Nơi nhận:

- Như trên;
- Phòng TT&HCQT (đăng tải lên CTTĐT);
- Lưu: VT, KHTH.



GIÁM ĐỐC



Nguyễn Bá Việt

PHỤ LỤC

(Kèm theo Công văn số 1263/CV – BVT ngày 05/5/2025 của Bệnh viện Đa khoa tỉnh Quảng Ninh)

STT	Tên hàng hoá	Màu sắc và Quy cách may	TSKT hàng hoá	Quy cách đóng gói	ĐVT	Số lượng
1	Quần áo blouse bác sĩ, được sĩ ngắn tay	Màu sắc: Màu trắng. Quy cách may: Theo Thông tư số 45/2015/TT-BYT ngày 30/11/ 2015. 01 bộ bao gồm: Quần, áo, mũ; Có in logo của Bệnh viện và tên khoa, phòng	Thành phần +Polyeste: 62% - 68% +Visco: 29% - 35% +Spandex: 1% - 5% -Mật độ sợi, tính bằng số sợi/10cm: Dọc 603-609, ngang 338-344 -Khối lượng thực tế (g/m2): 143-149	Túi/1 bộ	Bộ	624
2	Quần áo blouse bác sĩ, được sĩ dài tay	Màu sắc: Màu trắng. Quy cách may: Theo Thông tư số 45/2015/TT-BYT ngày 30/11/ 2015. 01 bộ bao gồm: Quần, áo, mũ; Có in logo của Bệnh viện và tên khoa, phòng	-Thành phần +Polyeste: 76% - 82% +Visco: 12% - 18% +Spandex: 3% - 9% -Mật độ sợi, tính bằng số sợi/10cm: Dọc 479-485, ngang 365-371 -Khối lượng thực tế (g/m2): 240-246	Túi/1 bộ	Bộ	624
3	Quần áo Blouse Điều dưỡng + kỹ thuật viên ngắn tay	Màu sắc: Màu trắng. Quy cách may: Theo Thông tư số 45/2015/TT-BYT ngày 30/11/ 2015. 01 bộ bao gồm: Quần, áo, mũ; Có in logo của Bệnh viện và tên khoa, phòng	Thành phần +Polyeste: 62% - 68% +Visco: 29% - 35% +Spandex: 1% - 5% -Mật độ sợi, tính bằng số sợi/10cm: Dọc 603-609, ngang 338-344 -Khối lượng thực tế (g/m2): 143-149	Túi/1 bộ	Bộ	1076
4	Quần áo Blouse Điều dưỡng + kỹ thuật viên dài tay	Màu sắc: Màu trắng. Quy cách may: Theo Thông tư số 45/2015/TT-BYT ngày 30/11/ 2015. 01 bộ bao gồm: Quần, áo, mũ; Có in logo của Bệnh viện và tên khoa, phòng. Chất liệu vải: phù hợp với mùa đông	-Thành phần: +Polyeste: 76% - 82% +Visco: 12% - 18% +Spandex: 3% - 9% -Mật độ sợi, tính bằng số sợi/10cm: Dọc 479-485, ngang 365-371 -Khối lượng thực tế (g/m2): 240-246	Túi/1 bộ	Bộ	1076

STT	Tên hàng hoá	Màu sắc và Quy cách may	TSKT hàng hoá	Quy cách đóng gói	ĐVT	Số lượng
5	Áo Váy blouse điều dưỡng Yêu cầu ngắn tay	Màu sắc: Màu trắng. Quy cách may: Theo Thông tư số 45/2015/TT-BYT ngày 30/11/ 2015. 01 bộ bao gồm: Váy, mũ; Có in logo của Bệnh viện và tên khoa, phòng. Chất liệu vải: phù hợp với mùa hè	-Thành phần: +Polyeste: 76% - 82% +Visco: 12% - 18% +Spandex: 3% - 9% -Mật độ sợi, tính bằng số sợi/10cm: Dọc 479-485, ngang 365-371 -Khối lượng thực tế (g/m2): 240-246	Túi/1 bộ	Bộ	60
6	Áo Váy blouse điều dưỡng Yêu cầu dài tay	Màu sắc: Màu trắng. Quy cách may: Theo Thông tư số 45/2015/TT-BYT ngày 30/11/ 2015. 01 bộ bao gồm: Váy, mũ; Có in logo của Bệnh viện và tên khoa, phòng. Chất liệu vải: phù hợp với mùa đông	-Thành phần: +Polyeste: 76% - 82% +Visco: 12% - 18% +Spandex: 3% - 9% -Mật độ sợi, tính bằng số sợi/10cm: Dọc 479-485, ngang 365-371 -Khối lượng thực tế (g/m2): 240-246	Túi/1 bộ	Bộ	60
7	Quần áo Blouse Hộ lý ngắn tay	Màu sắc: Xanh hòa bình. Quy cách may: Theo Thông tư số 45/2015/TT-BYT ngày 30/11/ 2015. 01 bộ bao gồm: Quần, áo, mũ; Có in logo của Bệnh viện và tên khoa, phòng. Chất liệu vải: phù hợp với mùa hè	-Thành phần: +Polyeste: 62% - 68% +Cotton: 32% - 38% -Mật độ sợi, tính bằng số sợi/10cm: Dọc 285-291, ngang 249-255 -Khối lượng thực tế (g/m2): 155-161	Túi/1 bộ	Bộ	38
8	Quần áo Blouse Hộ lý dài tay	Màu sắc: Xanh hòa bình. Quy cách may: Theo Thông tư số 45/2015/TT-BYT ngày 30/11/ 2015. 01 bộ bao gồm: Quần, áo, mũ; Có in logo của Bệnh viện và tên khoa, phòng. Chất liệu vải: phù hợp với mùa đông	-Thành phần: +Polyeste: 77% - 83% +Visco: 12% - 18% +Spandex: 2% - 8% -Mật độ sợi, tính bằng số sợi/10cm: Dọc 482-488, ngang 373-379 -Khối lượng thực tế (g/m2): 242-248	Túi/1 bộ	Bộ	38

STT	Tên hàng hoá	Màu sắc và Quy cách may	TSKT hàng hoá	Quy cách đóng gói	ĐVT	Số lượng
9	Quần áo công nhân kỹ thuật ngắn tay (Theo Điều 13 TT45/BYT)	Quy cách may: Theo Thông tư số 45/2015/TT-BYT ngày 30/11/ 2015 - 01 bộ bao gồm: Quần, áo. Có in logo của Bệnh viện và tên khoa, phòng. Chất liệu vải: phù hợp với mùa hè	-Thành phần: +Polyeste: 81% - 87% +Cotton: 13% - 19% -Mật độ sợi, tính bằng số sợi/10cm: Dọc 433-439, ngang 211-217 -Khối lượng thực tế (g/m2): 210-216	Túi/1 bộ	Bộ	38
10	Quần áo công nhân kỹ thuật dài tay (Theo Điều 13 TT45/BYT)	Quy cách may: Theo Thông tư số 45/2015/TT-BYT ngày 30/11/ 2015 - 01 bộ bao gồm: Quần, áo. Có in logo của Bệnh viện và tên khoa, phòng. Chất liệu vải: phù hợp với mùa đông	-Thành phần: +Polyeste: 61% - 67% +Cotton: 33% - 39% -Mật độ sợi, tính bằng số sợi/10cm: Dọc 495-501, ngang 229-235 -Khối lượng thực tế (g/m2): 259-265	Túi/1 bộ	Bộ	38
11	Quần áo nhân viên lái xe ngắn tay	Quy cách may: Theo Thông tư số 45/2015/TT-BYT ngày 30/11/ 2015 - 01 bộ bao gồm: Quần, áo. Có in logo của Bệnh viện và tên khoa, phòng Chất liệu vải: phù hợp với mùa hè	-Thành phần: +Polyeste: 81% - 87% +Cotton: 13% - 19% -Mật độ sợi, tính bằng số sợi/10cm: Dọc 433-439, ngang 211-217 -Khối lượng thực tế (g/m2): 210-216	Túi/1 bộ	Bộ	14
12	Quần áo nhân viên lái xe dài tay	Quy cách may: Theo Thông tư số 45/2015/TT-BYT ngày 30/11/ 2015 - 01 bộ bao gồm: Quần, áo. Có in logo của Bệnh viện và tên khoa, phòng. Chất liệu vải: phù hợp với mùa đông	-Thành phần: +Polyeste: 61% - 67% + Cotton: 33% - 39% -Mật độ sợi, tính bằng số sợi/10cm: Dọc 495-501, ngang 229-235 -Khối lượng thực tế (g/m2): 259-265	Túi/1 bộ	Bộ	14

STT	Tên hàng hoá	Màu sắc và Quy cách may	TSKT hàng hoá	Quy cách đóng gói	ĐVT	Số lượng
13	Quần áo nhân viên bảo vệ ngắn tay	Quy cách may: Theo Thông tư số 45/2015/TT-BYT ngày 30/11/ 2015 - 01 bộ bao gồm: Quần, áo. Có in logo của Bệnh viện và tên khoa, phòng. Chất liệu vải: phù hợp với mùa hè	-Thành phần: +Polyeste: 81% - 87% +Cotton: 13% - 19% -Mật độ sợi, tính bằng số sợi/10cm: Dọc 433-439, ngang 211-217 -Khối lượng thực tế (g/m2): 210-216	Túi/1 bộ	Bộ	10
14	Quần áo nhân viên bảo vệ dài tay	Quy cách may: Theo Thông tư số 45/2015/TT-BYT ngày 30/11/ 2015 - 01 bộ bao gồm: Quần, áo. Có in logo của Bệnh viện và tên khoa, phòng. Chất liệu vải: phù hợp với mùa đông	-Thành phần: +Polyeste: 61% - 67% +Cotton: 33% - 39% -Mật độ sợi, tính bằng số sợi/10cm: Dọc 495-501, ngang 229-235 -Khối lượng thực tế (g/m2): 259-265	Túi/1 bộ	Bộ	10
15	Quần áo nhân viên nam, nữ văn phòng ngắn tay	Quy cách may: Theo Thông tư số 45/2015/TT-BYT ngày 30/11/ 2015 -01 bộ bao gồm: Áo sơ mi: màu trắng; Quần: sẫm màu (đối với NV nam; Chân váy: sẫm màu (đối với NV nữ) -Có in logo của Bệnh viện và tên khoa, phòng. Chất liệu vải: phù hợp với mùa hè	Áo: -Thành phần: +Polyeste: 62% - 68% +Visco: 29% - 35% +Spandex: 1% - 5% -Mật độ sợi, tính bằng số sợi/10cm: Dọc 603-609, ngang 338-344 -Khối lượng thực tế (g/m2): 143-149 Quần, váy: -Thành phần: +Polyeste: 77% - 83% +Visco: 11% - 17% +Spandex: 3% - 9% -Mật độ sợi, tính bằng số sợi/10cm: Dọc 483-489, ngang 364-370 -Khối lượng thực tế (g/m2): 245-251	Túi/1 bộ	Bộ	108

STT	Tên hàng hoá	Màu sắc và Quy cách may	TSKT hàng hoá	Quy cách đóng gói	ĐVT	Số lượng
16	Quần áo nhân viên nam, nữ văn phòng dài tay	Quy cách may: Theo Thông tư số 45/2015/TT-BYT ngày 30/11/ 2015 -01 bộ bao gồm: Áo sơ mi: màu trắng; Quần: sẫm màu (đối với NV nam; Chân váy: sẫm màu (đối với NV nữ) -Có in logo của Bệnh viện và tên khoa, phòng. Chất liệu vải: phù hợp với mùa đông	Áo: -Thành phần: +Polyeste: 62% - 68% +Visco: 29% - 35% +Spandex: 1% - 5% -Mật độ sợi, tính bằng số sợi/10cm: Dọc 603-609, ngang 338-344 -Khối lượng thực tế (g/m2): 143-149 Quần, váy: -Thành phần: +Polyeste: 77% - 83% +Visco: 11% - 17% +Spandex: 3% - 9% -Mật độ sợi, tính bằng số sợi/10cm: Dọc 483-489, ngang 364-370 -Khối lượng thực tế (g/m2): 245-251	Túi/1 bộ	Bộ	108
17	Áo Vest nhân viên văn phòng	Quy cách may: Theo Thông tư số 45/2015/TT-BYT ngày 30/11/ 2015 Màu sắc: màu xanh than Cổ 2 ve, phía trước có 2 túi, có túi ngực, phía sau có xẻ 2 tà	-Thành phần: +Polyeste: 77% - 83% +Visco: 11% - 17% +Spandex: 3% - 9% -Mật độ sợi, tính bằng số sợi/10cm: Dọc 483-489, ngang 364-370 -Khối lượng thực tế (g/m2): 245-251	Túi/1 cái	Cái	108
18	Quần áo kẻ bệnh nhân	Quy cách may: Theo Thông tư số 45/2015/TT-BYT ngày 30/11/ 2015 Có in logo của bệnh viện, 1 bộ bao gồm Quần và áo, Có ký hiệu về kích cỡ khác nhau (1,2,3 hoặc S,M,L... tối thiểu 3 cỡ)	-Thành phần: +Polyeste: 64% - 70% + Cotton: 30% - 36% -Mật độ sợi, tính bằng số sợi/10cm: Dọc 419-425, ngang 273-279 -Khối lượng thực tế (g/m2): 97-103 -Kiểu dệt: vân điểm	Túi/1 bộ	Bộ	500

STT	Tên hàng hoá	Màu sắc và Quy cách may	TSKT hàng hoá	Quy cách đóng gói	ĐVT	Số lượng
19	Vỏ chăn trắng Kích thước: 1.5m x 2m	Màu sắc: Trắng Quy cách may: 2 lớp vải. Có cúc cài miệng vỏ chăn. 4 góc vỏ chăn có dây nhỏ dài 15cm để buộc dính với ruột chăn kích thước: 1.5m x 2m. Có in logo bệnh viện	-Thành phần: +Polyeste: 85% - 91% + Cotton: 9% - 15% -Mật độ sợi, tính bằng số sợi/10cm: Dọc 295-301, ngang 231-237 -Khối lượng thực tế (g/m2): 169-175	Túi/10 cái	Cái	200
20	Ga trải giường trắng KT: 1.5m x 2.5m	Màu sắc: Màu trắng Quy cách may: May viền xung quanh ga. In logo của bệnh viện	-Thành phần: +Polyeste: 85% - 91% + Cotton: 9% - 15% -Mật độ sợi, tính bằng số sợi/10cm: Dọc 295-301, ngang 231-237 -Khối lượng thực tế (g/m2): 169-175	Túi/10 cái	Cái	800
21	Bộ Quần áo phẫu thuật viên (phòng mổ)	Quy cách may: Theo Thông tư số 45/2015/TT-BYT ngày 30/11/ 2015 - 01 bộ bao gồm: Quần, áo, mũ, khẩu trang; Có in logo của Bệnh viện: Quần và áo Có ký hiệu về kích cỡ khác nhau (1,2,3 hoặc S,M,L... tối thiểu 2 cỡ, cỡ bé ≤50kg, cỡ to ≥60kg) (20 bộ trên 100kg)	-Thành phần: +Polyeste: 62% - 68% +Visco: 32% - 38% -Mật độ sợi, tính bằng số sợi/10cm: Dọc 299-305, ngang 253-259 -Khối lượng thực tế (g/m2): 162-168	Túi/1 bộ	Bộ	400
22	Quần thúng đáy (dùng cho bệnh nhân nội soi đại tràng)	Quy cách may: Theo Thông tư số 45/2015/TT-BYT ngày 30/11/ 2015 - Vải có sọc kẻ tằm; - Có lỗ thúng hình bầu dục ở đáy quần: Đường kính lớn (trục lớn) 20 cm; Đường kính nhỏ (trục nhỏ) 15cm. Có in logo của Bệnh viện	-Thành phần: +Polyeste: 64% - 70% +Cotton: 30% - 36% -Mật độ sợi, tính bằng số sợi/10cm: Dọc 419-425, ngang 273-279 -Khối lượng thực tế (g/m2): 97-103 -Kiểu dệt: vân điểm	Túi/10 cái	Cái	100

STT	Tên hàng hoá	Màu sắc và Quy cách may	TSKT hàng hoá	Quy cách đóng gói	ĐVT	Số lượng
23	Ga trải bàn mổ 1,5m x2,5m	Màu sắc: Màu xanh Kích thước: 1,5m x 2,5m	- Thành phần: +Polyeste: 62,7% - 68,7% +Cotton: 31,3% - 37,3% -Mật độ sợi, tính bằng số sợi/10cm: Dọc 477-483, ngang 221-227 -Khối lượng thực tế (g/m2): 222-228	Túi/10 cái	Cái	80
24	Săng không lỗ KT: 1.3m x 1.8m	Màu sắc: xanh tím Quy cách may: May xung quanh mép, đường may 0.7cm, 4 góc chắc chắn. Chất liệu: Dày dặn In logo của bệnh viện	- Thành phần: +Polyeste: 85% - 91% +Cotton: 9% - 15% -Mật độ sợi, tính bằng số sợi/10cm: Dọc 469-475, ngang 213-219 -Khối lượng thực tế (g/m2): 223-229	Túi/10 cái	Cái	3000
25	Săng không lỗ KT: 1m x 1m	Màu sắc: xanh tím Quy cách may: May xung quanh mép, đường may 0.7cm, 4 góc chắc chắn. Chất liệu: Dày dặn In logo của bệnh viện	- Thành phần: +Polyeste: 85% - 91% +Cotton: 9% - 15% -Mật độ sợi, tính bằng số sợi/10cm: Dọc 469-475, ngang 213-219 -Khối lượng thực tế (g/m2): 223-229	Túi/10 cái	Cái	600
26	Săng lỗ KT: 1m x 1m	Màu sắc: xanh tím Quy cách may: May xung quanh mép, đường may 0.7cm, 4 góc chắc chắn. Đường kính lỗ: 20cm In logo của bệnh viện	- Thành phần: +Polyeste: 85% - 91% +Cotton: 9% - 15% -Mật độ sợi, tính bằng số sợi/10cm: Dọc 469-475, ngang 213-219 -Khối lượng thực tế (g/m2): 223-229	Túi/10 cái	Cái	766

STT	Tên hàng hoá	Màu sắc và Quy cách may	TSKT hàng hoá	Quy cách đóng gói	ĐVT	Số lượng
27	Áo choàng mổ	Màu sắc: xanh tím Quy cách may: Áo choàng mổ dài tay liền khâu trang; có bo chun nút cổ tay áo kèm dây buộc cổ tròn; thân trước liền, thân sau mở buộc dây cổ tròn và dây buộc, chiều dài qua đầu gối. Có in logo bệnh viện	-Thành phần: +Polyeste: 85% - 91% +Cotton: 9% - 15% -Mật độ sợi, tính bằng số sợi/10cm: Dọc 469-475, ngang 213-219 -Khối lượng thực tế (g/m2): 223-229	Túi/10 cái	Cái	700
28	Bao gói KT: 0.75m x 0.75m	Màu sắc: be vàng Quy cách may: 2 lớp vải và may viền xung quanh mép, đường may 0.7cm, 4 góc chắc chắn. In logo của bệnh viện	- Thành phần: +Polyeste: 76% - 82% +Visco: 13% - 19% +Spandex: 2% - 8% -Mật độ sợi, tính bằng số sợi/10cm: Dọc 475-481, ngang 365-371 -Khối lượng thực tế (g/m2): 239-245	Túi/10 cái	Cái	1200
29	Bao gói KT: 1m x 1m	Màu sắc: be vàng Quy cách may: 2 lớp vải và may viền xung quanh mép, đường may 0.7cm, 4 góc chắc chắn. In logo của bệnh viện	- Thành phần: +Polyeste: 76% - 82% +Visco: 13% - 19% +Spandex: 2% - 8% -Mật độ sợi, tính bằng số sợi/10cm: Dọc 475-481, ngang 365-371 -Khối lượng thực tế (g/m2): 239-245	Túi/10 cái	Cái	776
30	Bao gói 1,2m x 1,5m	Màu sắc: be vàng Quy cách may: 2 lớp vải và may viền xung quanh mép, đường may 0.7cm, 4 góc chắc chắn. In logo của bệnh viện	- Thành phần: +Polyeste: 76% - 82% +Visco: 13% - 19% +Spandex: 2% - 8% -Mật độ sợi, tính bằng số sợi/10cm: Dọc 475-481, ngang 365-371 -Khối lượng thực tế (g/m2): 239-245	Túi/10 cái	Cái	100

STT	Tên hàng hoá	Màu sắc và Quy cách may	TSKT hàng hoá	Quy cách đóng gói	ĐVT	Số lượng
31	Khăn lau tay KT: 50 cm x 36 cm	Màu sắc: trắng không để lại bụi vải khi lau	-Thành phần: +Bông: 100% -Mật độ sợi, tính bằng số sợi/10cm: Dọc 251-257, ngang 167-173 -Khối lượng thực tế (g/m2): 394-400	Túi/10 cái	Cái	1500
32	Túi vải bọc C am: 1m x 1m	Màu sắc: Xanh Túi vải có thể tiệt trùng	- Thành phần: +Polyeste: 62,7% - 68,7% +Cotton: 31,3% - 37,3% -Mật độ sợi, tính bằng số sợi/10cm: Dọc 477-483, ngang 221-227 -Khối lượng thực tế (g/m2): 222-228	Túi/10 cái	Cái	20
33	Túi đựng camera phòng mổ	Màu sắc: Xanh Túi vải có thể tiệt trùng KT: 40x30cm	- Thành phần: +Polyeste: 62,7% - 68,7% +Cotton: 31,3% - 37,3% -Mật độ sợi, tính bằng số sợi/10cm: Dọc 477-483, ngang 221-227 -Khối lượng thực tế (g/m2): 222-228	Túi/10 cái	Cái	100
34	Áo khoác phòng mổ	Màu sắc: xanh lá cây Quy cách may: áo cổ tàu, dáng áo khoác, 2 túi dưới nách, chiều dài qua hông, cúc bấm bằng kim loại trắng bạc, dài tay, cổ tay bo chun nút. Có in logo bệnh viện	- Thành phần: +Polyeste: 62,7% - 68,7% +Cotton: 31,3% - 37,3% -Mật độ sợi, tính bằng số sợi/10cm: Dọc 477-483, ngang 221-227 -Khối lượng thực tế (g/m2): 222-228	Túi/10 cái	Cái	200

STT	Tên hàng hoá	Màu sắc và Quy cách may	TSKT hàng hoá	Quy cách đóng gói	ĐVT	Số lượng
35	Áo khoác người nhà bệnh nhân phòng mổ	Màu sắc: vàng Quy cách may: Áo choàng mổ dài tay liền khẩu trang; có bo chun nút cổ tay áo kèm dây buộc cổ tròn thân trước liền, thân sau mở buộc dây cổ tròn và dây buộc, chiều dài qua đầu gối. Có in logo bệnh viện	-Thành phần: +Polyeste: 87,5% - 93,5% +Bông: 6,5% - 12,5% -Mật độ sợi, tính bằng số sợi/10cm: Dọc 381-387, ngang 227-233 -Khối lượng thực tế (g/m2): 139-145	Túi/10 cái	Cái	50

